TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2025/HS-ST
Ngày: 28/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mai Khanh.

Bà Đặng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc Đ; Sinh ngày: 03/3/1970; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: AEH đường MC, Phường AE, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: TIG ấp CX, xã LT, huyện CĐ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Chạy xe Honda ôm; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn S (chết) và bà: Phạm Thị S1 (chết); Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Hồng D và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/12/2024.

Nhân thân: Ngày 28/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 96/2017/HSST). Bị cáo được trả tự do ngay tại phiên tòa (Quyết định số: 05/2017/HSST-QĐ). Không có thông tin thụ lý thi hành nghĩa vụ của Nguyễn Quốc Đ đối với Bản án số: 96/2017/HSST (Công văn trả lời xác minh số: 2215/CCTHADS ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Bà Bùi Thị Th; Sinh năm: 1991; Thường trú: Thôn VĐ, xã TB, huyện NQ, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở: IID đường Hậu Giang, Phường AB, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hộ kinh doanh Lê Huỳnh Ngọc L; Địa chỉ: DIG đường ADV, Phường ALA, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện Hộ kinh doanh: Bà Lê Huỳnh Ngọc L; Sinh năm: 1991; Thường trú: Ấp TT, xã TH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: DIG đường ADV, Phường ALA, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Q; Sinh năm: 1983; Thường trú: Thôn D, xã CL, huyện LN, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở: DIG đường ADV, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Huỳnh Văn T; Sinh năm: 1980; Thường trú: Ấp TH, xã TP, huyện BL, tỉnh Long An; Chỗ ở: D/BFD ấp D, xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Lê Trường L1; Sinh năm: 1985; Thường trú: Ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: BC tổ 5, ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 14/12/2024, Nguyễn Quốc Đ điều khiển xe gắn máy biển số 63X3-5381 lưu thông trên đường HG (theo hướng từ vòng xoay MT về cầu HG). Khi chạy ngang quán nước mía của bà Bùi Thị Th, địa chỉ IID đường HG, Phường BC, Quận F, Đ dừng lại hỏi mua 02 ly nước mía (10.000 đồng/ly). Trong lúc đứng chờ bà Th ép nước mía, Đ phát hiện có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus màu trắng của bà Th đang để trên bàn gỗ, kế bên có bà Bùi Thị Ngọc Q1 đang đứng bán trái cây, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này. Để thực hiện ý định, Đ lấy 50.000 đồng đưa cho bà Th, rồi giả vờ hỏi mua trái cây để bà Q1 đi ra phía trước lấy trái cây bán cho Đ. Lúc này, Đ đi đến dùng tay trái lấy chiếc điện thoại của bà Th giấu vào trong túi quần phía trước bên trái, rồi đi ra lấy xe tẩu thoát về hướng vòng xoay Mũi Tàu.

Về phía bà Th, thấy Đ bỏ đi vội vàng mà không lấy nước mía, trái cây, nên kiểm tra lại thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại, nên đến Công an Phường 12, Quận 6 trình báo.

Từ dữ liệu Camera do bà Bùi Thị Th cung cấp, qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã triệu tập Nguyễn Quốc Đ lên trụ sở làm việc. Qua đấu

tranh, Đ khai nhận đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc điện thoại của bà Th như nêu trên và khai sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, Đ đem đến cửa hàng điện thoại di động VH (Hộ kinh doanh Lê Huỳnh Ngọc L), địa chỉ DIG đường ADV, Phường ALA, Quận BT bán cho ông Nguyễn Văn Q với giá 3.200.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 84/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 12 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng, dung lượng 256Gb (tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) tại thời điểm ngày 14/12/2024, có giá là: 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn Q đã giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng; bà Bùi Thị Th giao nộp lại số tiền 50.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6.

Cơ quan điều tra Công an Quận 6 tiến hành cho ông Nguyễn Văn Q nhận dạng người qua hình ảnh và ông Quyến xác định Nguyễn Quốc Đ chính là người đã bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng cho ông vào ngày 14/12/2024.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 245/QĐ-ĐTTH); khởi tố bị can đối với Nguyễn Quốc Đ về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 328/QĐ-ĐTTH).

Đối với ông Nguyễn Văn Q (quản lý Hộ kinh doanh Lê Huỳnh Ngọc L), là người có hành vi mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus từ Nguyễn Quốc Đ, nhưng ông Q không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 40/CT-VKS-Q6 ngày 01 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Đ về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Quốc Đ khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng của bà Bùi Thị Th tại quán bán nước mía, địa chỉ IID đường HG, Phường BC, Quận F vào khoảng 13 giờ ngày 14/12/2024 như nội dung bản cáo trạng nêu. Ngoài ra, bị cáo khai sau khi nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại, bị cáo đã lấy 50.000 đồng đưa cho bà Th làm tin, rồi giả vờ hỏi mua trái cây để tìm cơ hội lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại của bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Đ như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Đ nộp lại 1.050.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 63X3-5381, số khung: RMMWCH6MM71624974, số máy: VDP1P52F-MH624974 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu WAYEC, số loại C110-1, sơn màu Xanh, dung tích 107) và số tiền 2.200.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi tay dài (sọc ca ro trắng xanh); 01 quần dài bằng vải màu đen; 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng (trên nón có ghi chữ «goviet»).

Trả lại bị cáo Nguyễn Quốc Đ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu vàng, số seri: R58K828V8KX, số Imei 1: 358465094243246, số Imei 2: 358466094243244; 01 sim điện thoại số 8984048000909090543 (số thuê bao 0368572225).

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Quốc Đ lấy trộm tài sản ngày 14/12/2024) do bà Bùi Thị Th cung cấp, đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi Thị Th và hai hình dấu tròn của Công an Phường 12, Quận 6 (BL258), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Quốc Đ nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Bùi Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này

không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc Đ tại phiên tòa với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 14/12/2024 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 84/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Bùi Thị Th; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn Q và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Quốc Đ đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo Nguyễn Quốc Đ đã lợi dụng sự sơ hở của bà Bùi Thị Th, lén lút chiếm đoạt của bà Th 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng, dung lượng 256Gb trị giá 14.000.000 đồng tại quán bán nước mía, địa chỉ IID đường HG, Phường BC, Quận F vào khoảng 13 giờ ngày 14/12/2024. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Quốc Đ là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân của bị cáo Nguyễn Quốc Đ: Bị cáo có nhân thân xấu, đó là ngày 28/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 9 xử phạt 04 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo khai chưa thi hành xong án phí, nhưng qua nghiên cứu hồ sơ, căn cứ Điều 60 của Bộ luật hình sự 2015 thì phần án phí tại bản án này đã hết thời hiệu thi hành, do đó ở lần phạm tội này bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Còn việc bị cáo chưa thi hành án phí, là do cơ quan thi hành án dân sự chưa thụ lý thi hành nghĩa vụ của bị cáo chứ không phải đã thụ lý mà bị cáo chưa nộp.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc Đ tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn

thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại bãi nại, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bản thân bị cáo cũng đã lớn tuổi và có nhiều bệnh cần được điều trị, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Quốc Đ còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Việc bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã xử lý trả chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus, màu trắng, dung lượng 256Gb cho bà Bùi Thị Th. Tại phiên tòa, bà Th vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra bà Th không yêu cầu bồi thường và đồng ý bãi nại cho bị cáo (theo Đơn bãi nại ngày 27/02/2025 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 03/01/2025 - BL175, 220), do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Việc xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 63X3-5381 thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Đ, theo Kết luận giám định số: 1657/KL-KTHS ngày 14/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL176) và Phiếu trả lời xác minh ngày 15/12/2024 của Công an Quận 6 (BL146), chiếc xe này có số khung: RMMWCH6MM71624974, số máy: VDP1P52F-MH624974 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu WAYEC, số loại C110-1, sơn màu Xanh, dung tích 107), do ông Lê Trường L1 đứng tên chủ xe. Quá trình điều tra, ông L1 khai đã bán chiếc xe cho ông Huỳnh Văn T, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Ông Huỳnh Văn T xác nhận có mua chiếc xe biển số 63X3-5381 từ ông Lê Trường L1, nhưng ngày 16/5/2020 ông tuấn bán lại cho bị cáo Nguyễn Quốc Đ (phù hợp với lời khai của bị cáo Đ tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa); các ông L1, Tuấn đều xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe biển số 63X3-5381 (BL207, 212). Như vậy có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Quốc Đ hiện là người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe và ngày 14/12/2024, bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội. Mặt khác, theo thông báo kết quả tra cứu

vật chứng của Công an Quận 6 (BL147), thì chiếc xe biển số 63X3-5381 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với chiếc xe theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.2] Đối với 2.200.000 đồng (trong đó có 2.150.000 đồng, là tiền bị cáo Nguyễn Quốc Đ có được từ việc bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus; 50.000 đồng do bà Bùi Thị Th giao nộp), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.3] Đối với 01 áo sơ mi tay dài (sọc ca ro trắng xanh); 01 quần dài bằng vải màu đen; 01 đôi dép cao su màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng (trên nón có ghi chữ «goviet») thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Đ, là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu vàng, số seri: R58K828V8KX, số Imei 1: 358465094243246, số Imei 2: 358466094243244 và 01 sim điện thoại số 8984048000909090543 (số thuê bao 0368572225) thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Đ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 66/PNK ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 31/QĐ-VKS-Q6 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 13/3/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[9.5] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Quốc Đ lấy trộm tài sản ngày 14/12/2024) do bà Bùi Thị Th cung cấp, đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi Thị Th và hai hình dấu tròn của Công an Phường 12, Quận 6 (BL258), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Đối với ông Nguyễn Văn Q, là người có hành vi mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus từ bị cáo Nguyễn Quốc Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định ông Quyến không biết rõ chiếc điện thoại này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc Đ khai sau khi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus của bà Bùi Thị Th,

bị cáo đem đến cửa hàng điện thoại di động VH bán cho ông Nguyễn Văn Q với giá 3.200.000 đồng (Cơ quan điều tra thu giữ 2.150.000 đồng, còn 1.050.000 đồng bị cáo đã tiêu xài). Quá trình điều tra, ông Q đã giao nộp chiếc điện thoại để trả cho bà Th. Mặc dù, ông Q không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho hộ kinh doanh số tiền mà phía hộ kinh doanh đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại trên (theo Biên bản ghi lời khai ngày 18/12/2024 của Công an Quận 6 - BL180, 181), nhưng xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại 1.050.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Đ** 01 (một) năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2024.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Đ nộp lại 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 63X3-5381, số khung: RMMWCH6MM71624974, số máy: VDP1P52F-MH624974 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu WAYEC, số loại C110-1, sơn màu Xanh, dung tích 107) và 2.200.000 (hai triệu hai trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi tay dài (sọc caro trắng xanh); 01 (một) quần dài bằng vải màu đen; 01 (một) đôi dép cao su màu xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ trắng (trên nón có ghi chữ «goviet»).

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Quốc Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu vàng, số seri: R58K828V8KX, số Imei 1: 358465094243246, số Imei 2: 358466094243244; 01 (một) sim điện thoại số 8984048000909090543 (số thuê bao 0368572225).

(theo Giấy nộp tiền ngày 13/3/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Quốc Đ phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Quốc Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Bùi Thị Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Tổ địa bàn 6);
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên